

Trung Quốc ở Châu Phi

Nguyễn Huy Vũ (Oslo, Na Uy)

và Nguyễn Minh Thọ (Leuven, Bỉ)

Bài viết tham gia Hội Thảo Mùa Hè Toulouse 31/7 - 1/8/2014

Giới Thiệu

Là nước đông dân nhất thế giới, cùng với nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng, Trung Quốc đã trở thành nước tiêu thụ và sản xuất năng lượng lớn nhất thế giới kể từ năm 2010. Việc duy trì một nguồn năng lượng để nuôi dưỡng nền kinh tế đóng vai trò sống còn đối với TQ. Trong chiến lược săn tìm những nguồn năng lượng mới cũng như xây dựng các mối quan hệ chính trị và ngoại giao nhằm đạt được những mục đích của mình, TQ buộc phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các quốc gia phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ và Liên Minh châu Âu (EU). Đây là chiến lược của TQ và Hoa Kỳ và EU làm gì với các thách thức nổi lên từ sự lớn mạnh các ảnh hưởng của TQ ở châu Phi? Bài viết dưới đây cung cấp một góc nhìn về sự cạnh tranh của HK, EU và TQ trong việc xây dựng các ảnh hưởng ở châu Phi.

1. Lời Nhập

Trước khi vào đề xin ghi lại một chút ký ức: Vào khoảng đầu thế kỷ 21 này, Trung quốc (TQ) vẫn còn được các cơ quan ngoại giao của chính phủ Bỉ sắp vào danh sách các nước 'đang phát triển' để được tài trợ qua các chương trình hợp tác phát triển, và lúc đó sinh viên TQ đến theo học tại các trường đại học Bỉ được hưởng chế độ học phí, học bổng hay trợ cấp xã hội như những sinh viên đến từ các nước nghèo cựu thuộc địa (của Bỉ) ở châu Phi...

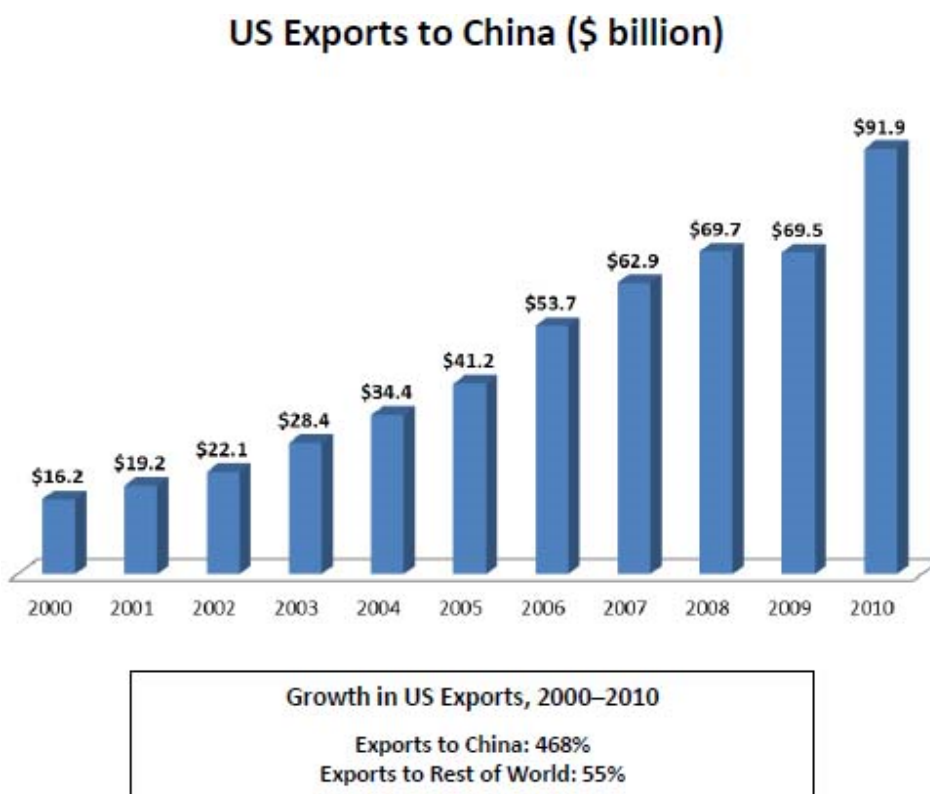
Người Hoa đã đến châu Phi (CP) từ rất lâu. Trong cuốn sách 'The Star Raft - China's Encounter with Africa' của Philip Snow,¹ tác giả dựng lại sự kiện một đoàn thương thuyền TQ lạt ghé vào bờ biển ở Đông Phi vào năm 1418!. Trong thế kỷ 19 người Hoa theo chân các thực dân Âu châu để vào CP, chủ yếu để làm thợ tay chân, buôn bán tạp hóa. Phải chờ đến thập kỷ 1950-1960, sau khi đảng Cộng sản lên cầm quyền ở TQ, sự hiện diện và ảnh hưởng của TQ ở CP mới tăng lên mạnh mẽ, dựa vào hai vế quân sự và ý thức hệ, trong khung cảnh của phong trào giải phóng dân tộc, cuộc chiến tranh lạnh, và mâu thuẫn trong các nước xã hội chủ nghĩa. Thật vậy, TQ đã tài trợ, đào tạo nhân lực và cung cấp vũ khí cho các tổ chức, phong trào đấu tranh vũ trang ở nhiều nước CP. Nhiều nhóm kháng chiến quân châu Phi được đưa sang huấn luyện và đào tạo ở học viện quân sự Nam Kinh. Chuyến công du thăm viếng nhiều nước CP của Chu Ân Lai trong năm 1963 đánh dấu cao điểm của vị trí và uy tín của TQ, như một 'người thầy, người anh cả' phát cờ cách mạng trên toàn thế giới. TQ quyết liệt tranh

¹ Philip Snow, The Star Raft: China's Encounter with Africa, Weidnfeld & Nicolson (1988).

dành ảnh hưởng với Liên Xô bằng cách xây dựng nên những tổ chức vũ trang chống lại những tổ chức khác được Liên Xô hỗ trợ, thậm chí đưa đến những cuộc nội chiến sau khi các nước này giành được độc lập (như ở Angola, Mozambique).

Trong thời Cách mạng văn hóa, 4 triệu cuốn 'sách đỏ' của Mao đã được phân phối ở Mali. Ở Tanzania, Julius Nyerere cũng thành lập các đội 'thanh vệ binh' (green guards) theo mô hình 'hồng vệ binh', và cũng in ra 'sách xanh' ghi lời của ông. Ở Guinea, Ahmed Sekou Toure tương tự cũng trở thành 'người cầm lái' theo đúng khuôn mẫu Mao.

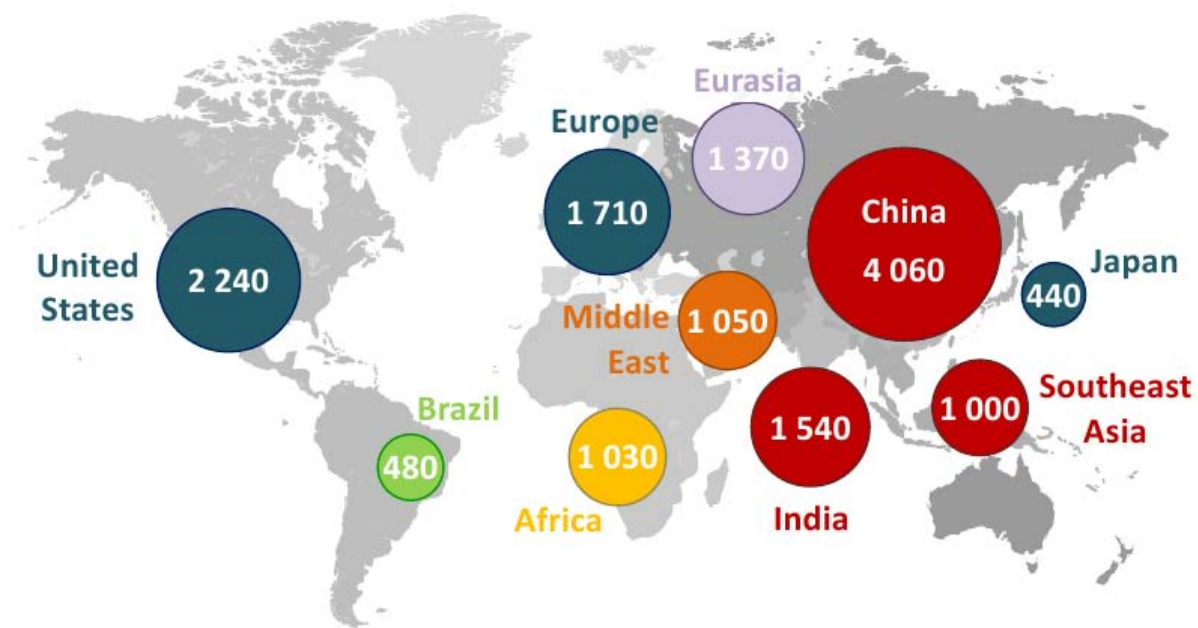
Trong cuối thập niên 1970, dưới thời Đặng Tiểu Bình, vì phải tập trung lo việc bên trong với bốn hiện đại hóa, TQ mất nhiều ảnh hưởng ở CP. Trong thập niên 1980, TQ tìm cách trở lại CP với chiêu bài phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật. Khoảng 150.000 kỹ thuật viên TQ được gửi sang CP để xây dựng các công trình ích lợi chung. Được biết đến nhiều nhất có lẽ là công trình đường sắt Tan-Zam, nối từ Zambia đến hải cảng Dar es Salaam của Tanzania: vừa xây xong đã bị hư hại! Nhưng từ đó, TQ bắt đầu 'cắm dùi' thật chặt ở nhiều nước CP và tăng cường sự hiện diện ở nhiều nước khác. Những hoạt động 'hữu nghị' này không chỉ thuần vì lợi ích của dân CP, mà có thể nói là vì lợi ích to lớn nằm trong chính sách phát triển kinh tế, và nhất là vì mục đích khai thác tài nguyên thiên nhiên ở CP nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng và tài nguyên của TQ trong cuộc phát triển của mình.



Hình 1. TQ nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Năm 2011: 102 tỷ, 2012, 108 tỷ và 2013: 120 tỷ.

Trong năm 2010, TQ nhập khẩu 1.400 tỷ đô la tài nguyên và hàng hóa (so với 1.900 tỷ đô la nhập khẩu của Hoa Kỳ). Phần lớn số tài nguyên này được sử dụng để làm ra hàng hóa xuất

khẩu. Nhưng hàng hóa nhập vào từ Hoa Kỳ (HK) là để tiêu thụ tại chỗ, đặc biệt là hàng cao cấp (xe hơi BMW SUV nhập vào TQ được sản xuất tại một nhà máy BMW ở South Carolina). Nhìn qua mức tăng vọt về số lượng hàng hóa nhập khẩu từ HK vào TQ trong thập niên qua (xem Hình 1) cho thấy xã hội TQ (tầng lớp thượng lưu và trung lưu 中 / đang hình thành) đang tiến đến một xã hội tiêu thụ khổng lồ. Trong nền kinh tế và xã hội đó, đói năng lượng (cho xe hơi, phương tiện di chuyển, điện tiêu dùng...) là căn bệnh trầm kha! (xem hình 2). Để hiểu được phần nào các hoạt động của TQ ở CP, cần nhìn lại nhu cầu và chiến lược năng lượng của TQ.

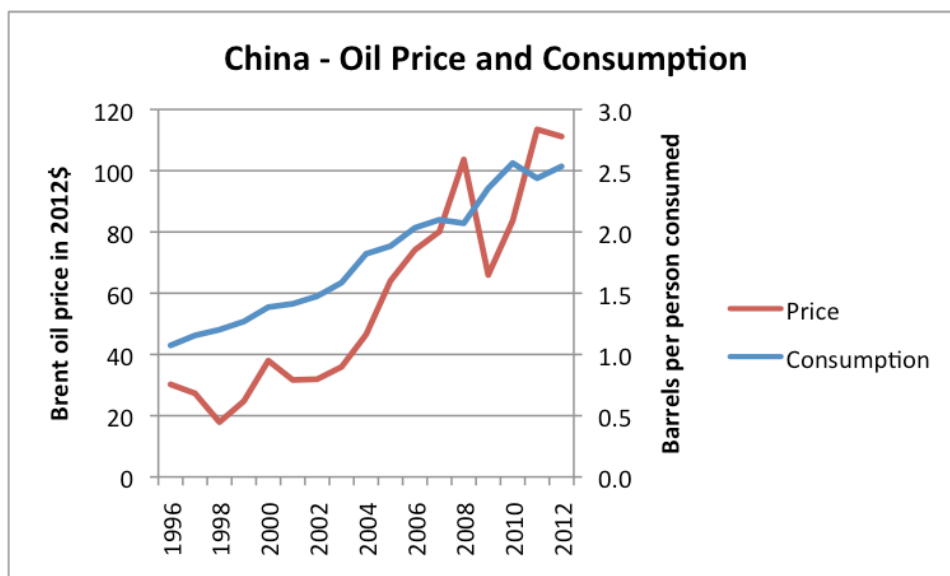


Hình 2. Nhu cầu năng lượng chủ yếu (primary energy demand) của các nước năm 2013, tính theo đơn vị Mtoe.²

2. Nhu Cầu và Chiến Lược Năng Lượng của Trung Quốc.

Vào năm 2000, nhu cầu năng lượng của TQ chỉ bằng một nửa của HK. Một thập kỷ sau, TQ qua mặt HK trở thành nước tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới, và là nước số một trong nhập khẩu dầu thô. Con đói năng lượng không giới hạn của TQ đã đưa đến những đảo lộn lớn trên thị trường thế giới. Vào giữa những năm 2000, nhu cầu năng lượng lớn của TQ đã góp phần đưa giá dầu thô tăng lên cao và giữ giá cho đến bây giờ (Hình 3). Nhu cầu này đã làm sống lại ngành khai thác than đá, đã và đang gây nên bao tai họa cho môi trường vì tạo ra khí gây ô nhiễm

² Nguồn: IEA, 2013, World Energy Outlook Report, 2013.

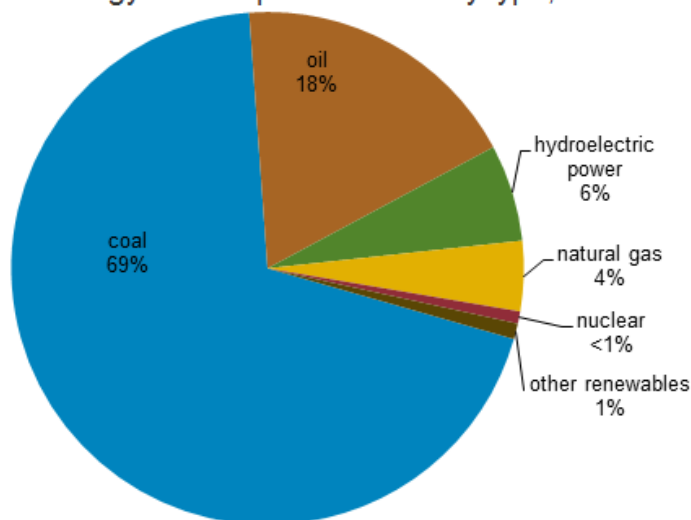


Hình 3. Giá dầu và tiêu thụ dầu của TQ.

Hai sự kiện vừa qua, việc TQ đưa dàn khoan vào vùng biển của VN, và việc ký kết thỏa ước 30 năm với Nga về cung cấp khí đốt thiên nhiên, nêu rõ được chính sách năng lượng của TQ. Bằng phương tiện ngoại giao, đầu tư, hay vũ lực, TQ sẵn sàng hành động để thỏa mãn nhu cầu năng lượng của mình,³ bất chấp nguồn năng lượng đó là gì!

TQ sử dụng mọi nguồn năng lượng khác nhau (Hình 4), trong đó than đá là quan trọng nhất.

Total energy consumption in China by type, 2011



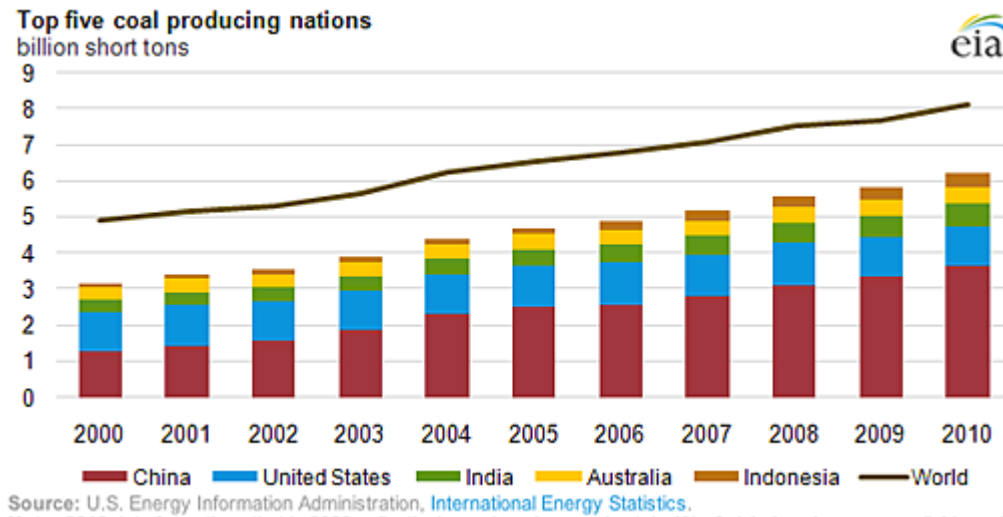
Note: Numbers may not add due to rounding.
 eia Source: U.S. Energy Information Administration *International Energy Statistics*.

Hình 4: Các nguồn năng lượng ở TQ.

³ C. Krauss, K. Bradsher, New York Times, 21/05/2014.

2.1. Than Đá

Trong khi việc sản xuất than đá đã không còn gì ở các nước Tây Âu, và giảm sút rất nhiều ở HK, TQ hiện là nước sản xuất lớn nhất và cũng là nơi tiêu thụ than đá lớn nhất thế giới⁴ (xem Hình 5 và Hình 6).



Hình 5. Các nước đang sản xuất than đá nhiều nhất trên thế giới.

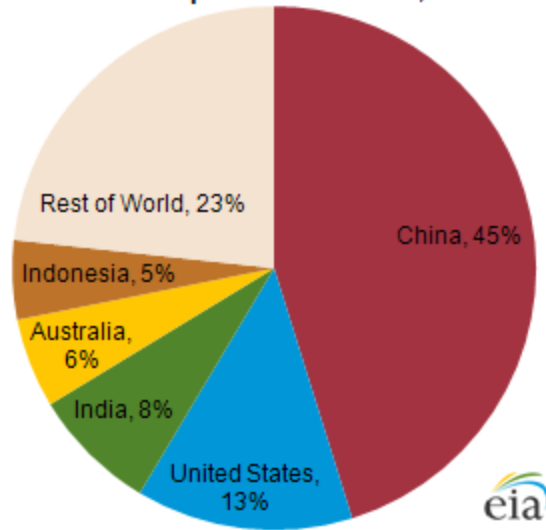
Than đá chiếm khoảng ~74% trong tổng nhu cầu tiêu thụ năng lượng chính của TQ (2014). Lượng tiêu thụ than đá của TQ hiện lớn hơn tổng lượng than đá dùng bởi Hoa Kỳ, Ấn Độ và Úc... cộng lại.⁵ Tổng nhu cầu sử dụng than đá của TQ hiện đã vượt tổng nhu cầu của phần còn lại của thế giới và với tổng lượng sản xuất than đá tăng trung bình khoảng 1,1%/năm, dự kiến tổng lượng than đá sản xuất bởi TQ sẽ chiếm tới 50% tổng lượng than đá toàn cầu vào năm 2035⁶ (xem Hình 6).

⁴ EIA, China Coal: <http://www.eia.doe.gov/cabs/China/Coal.html>

⁵ Keith Bradsher, "China Outpaces U.S. in Cleaner Coal-Fired Plants," New York Times, May 10, 2009

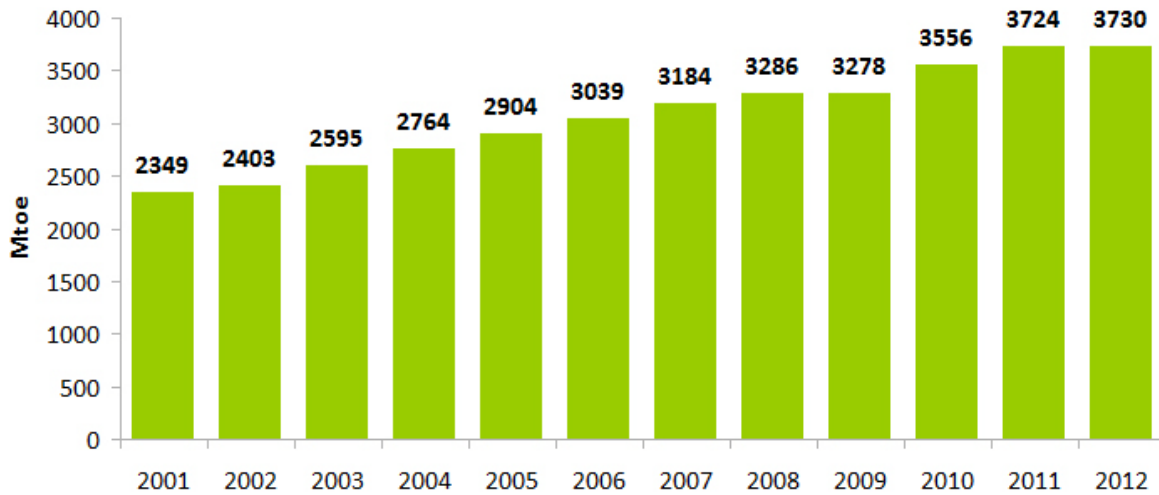
⁶ Matthew Hill, "China to burn 50% of global coal by 2035 – IEA," Mining Weekly, November 9, 2010

Global coal production shares, 2010

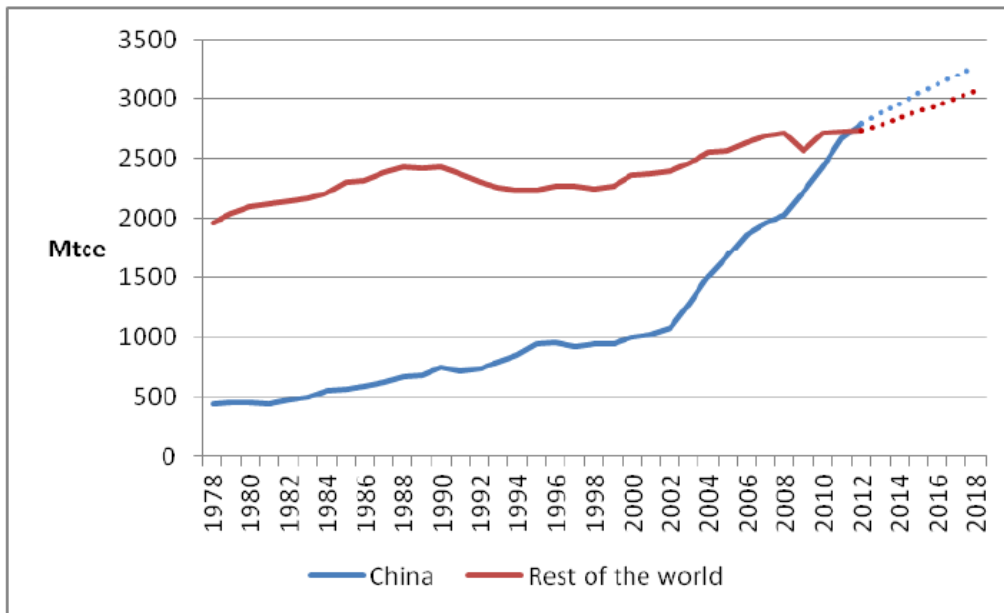


Hình 6a. Tỷ lệ sản xuất than đá trên thế giới trong năm 2010

WORLD COAL CONSUMPTION



Hình 6b. Tiêu thụ than đá trên thế giới.



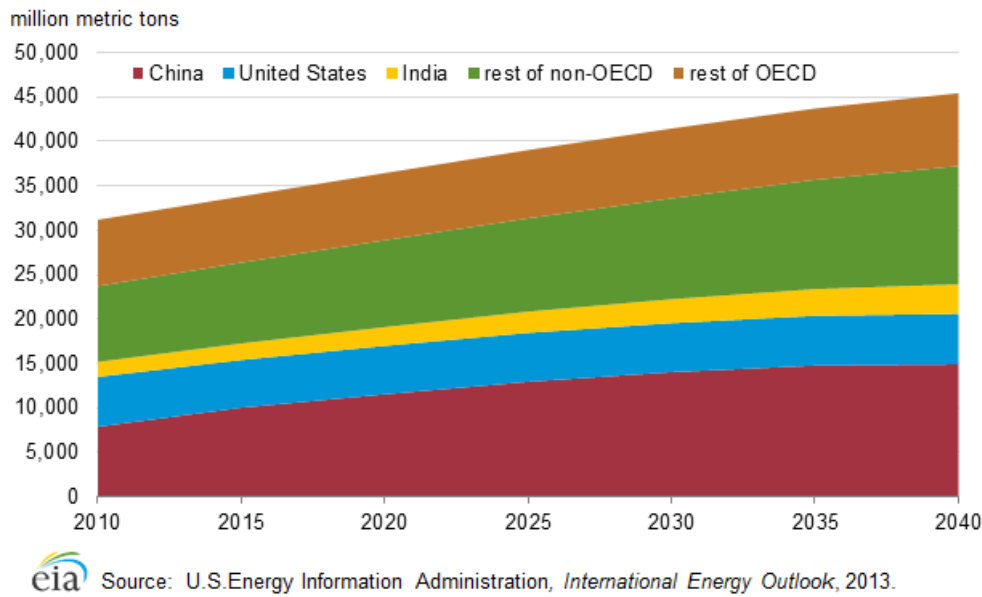
Hình 6c. Nhu cầu than đá của TQ so với tổng nhu cầu của các nước khác⁷.

Theo những xấp xỉ khác nhau, TQ xây dựng khoảng 1 đến 2 nhà máy điện than một tuần. Những nhà máy nhỏ dùng công nghệ cũ bị đóng cửa và được thay thế bằng những nhà máy mới lớn hơn, dùng công nghệ hiệu quả hơn. Dự đoán cho đến năm 2020, những nhà máy có công suất dưới 200 MW sẽ bị đóng cửa.

Những nhà máy điện than mới xây dùng các công nghệ đốt than tiên tiến nhất trên thị trường được Hội Đồng Cải Cách và Phát Triển Quốc Gia (National Development and Reform Commission) đưa ra các tiêu chuẩn nhằm bảo đảm tiết kiệm nhiên liệu và giảm ô nhiễm đến mức tối đa. Trên thực tế, TQ đang là nước thải ra nhiều nhất các khí gây ô nhiễm, đặc biệt là khí CO₂ (Hình 7).

⁷ Nguồn: IEA, 2013, "Medium term coal market report 2013".

Global energy-related carbon dioxide emissions

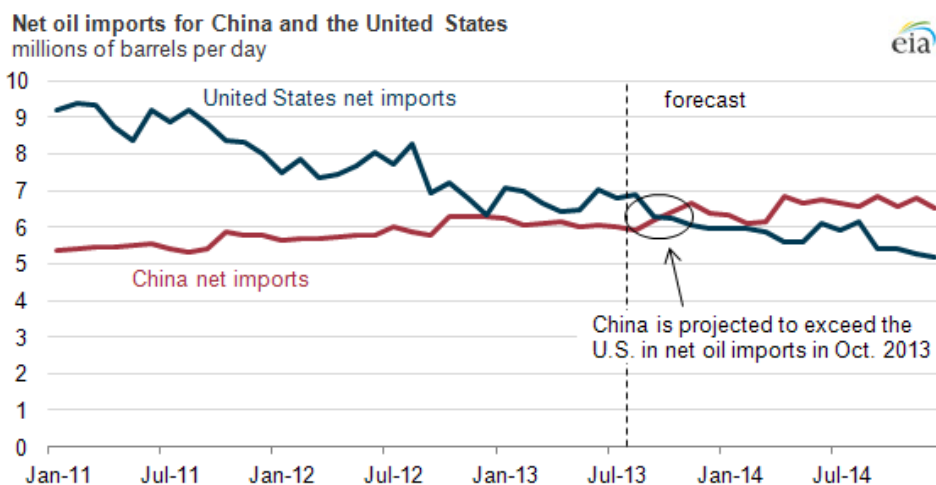


Hình 7. Lượng khí CO₂ gây ra từ tiêu thụ năng lượng

2.2. Dầu Mỏ và Khí Đốt

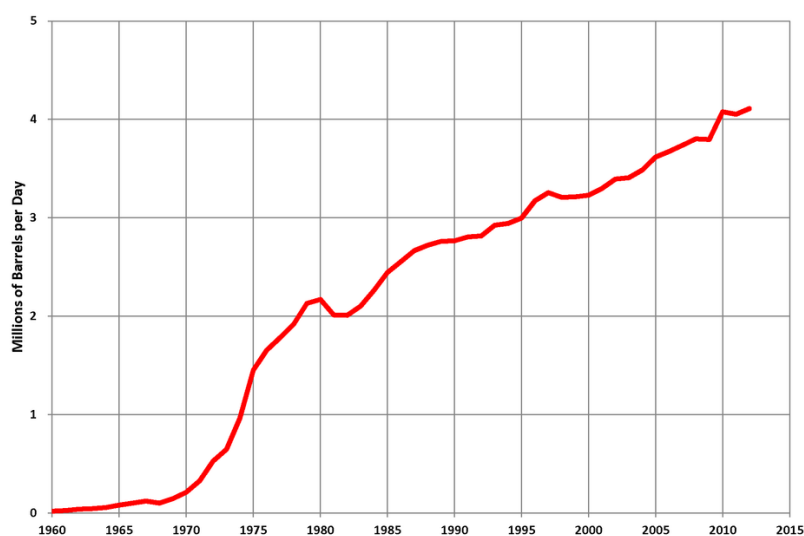
TQ hiện là nước tiêu thụ dầu lớn thứ 2 thế giới, sau Hoa Kỳ, và là nước sản xuất dầu mỏ lớn thứ 4 thế giới.

TQ là nước xuất khẩu dầu mỏ cho đến đầu thập niên 1990s, trước khi trở thành nước nhập khẩu dầu mỏ và kể từ năm 2009 là nước nhập khẩu dầu mỏ nhiều thứ 2 trên thế giới. Dự đoán là TQ sẽ trở thành nước nhập khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới kể từ năm 2014, vượt qua HK. Tăng tiêu thụ dầu mỏ của TQ riêng trong năm 2013 đóng góp tới một phần ba mức tăng tiêu thụ dầu mỏ của toàn thế giới (Hình 8).



Hình 8. So sánh nhập dầu thô giữa TQ và HK

TQ sản xuất trong năm 2014 được 4.15 triệu thùng dầu/ngày (Hình 9), nhưng tiêu thụ 10.1 triệu thùng dầu/ngày (Hình 9-a-b). IEA dự đoán rằng mức tiêu thụ dầu mỏ của TQ từ 7.7 triệu thùng/ngày vào năm 2008 sẽ tăng lên khoảng 16.3 triệu thùng/ngày trước năm 2030. Như đã nói trên, một phần lớn sự tăng tiêu thụ dầu mỏ gây ra bởi việc gia tăng tỉ lệ sử dụng xe hơi của tầng lớp trung lưu vốn ngày càng đông đảo. Kể từ năm 2009, TQ đã trở thành thị trường tiêu thụ xe hơi lớn nhất thế giới. Trên 100 gia đình, khoảng 16 gia đình có sở hữu một xe hơi vào năm 2005; con số này gấp đôi lên 33 xe hơi cho khoảng 100 gia đình vào năm 2008. Dự đoán là lượng xe hơi sẽ tăng khoảng 10 lần trong khoảng thời gian 2005 và 2030.⁸

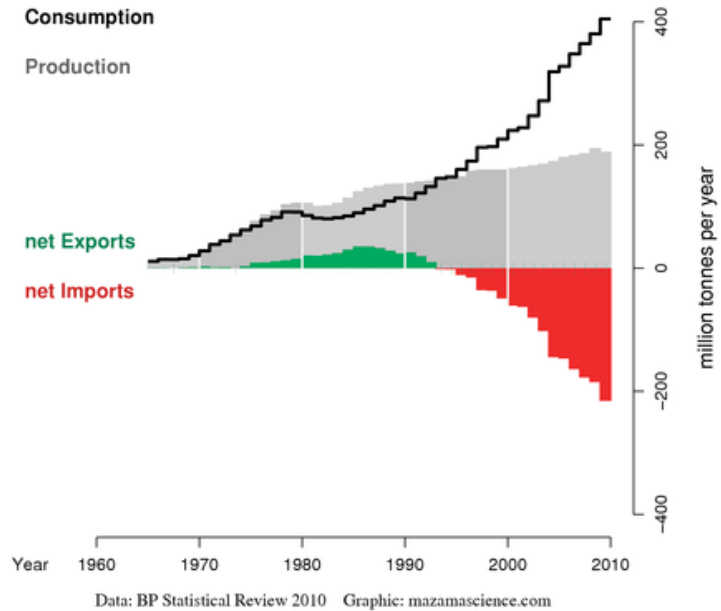


Hình 9: Sản xuất dầu mỏ ở TQ.

⁸ Susan Lyon, Rebecca Lefton, and Daniel J. Weiss, 2010, "Quenching Our Thirst for Oil", Center for American Progress

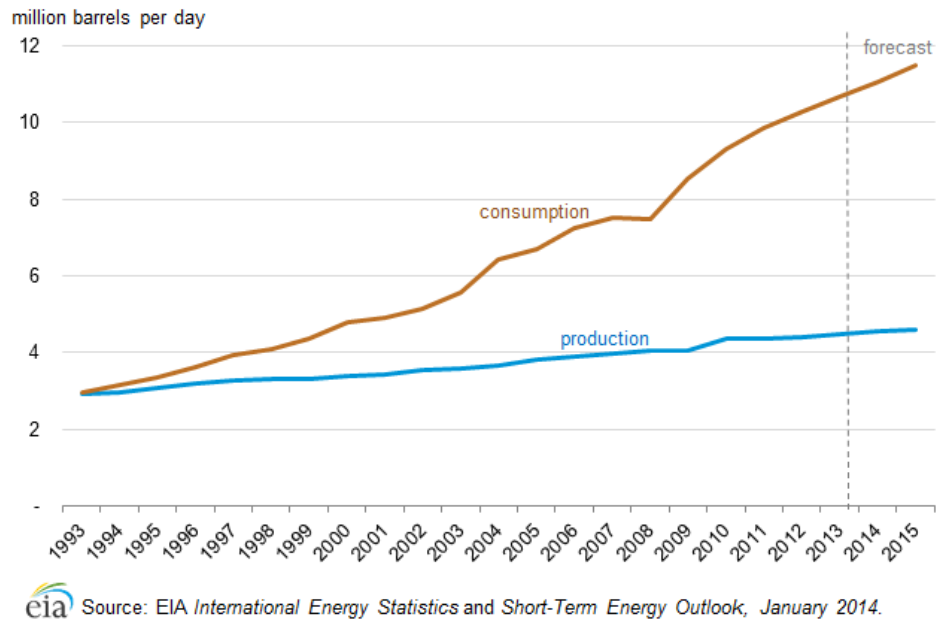
China : Oil

2009 imports increased by 16. %



Hình 9a. Sản xuất và tiêu thụ dầu mỏ của TQ

China's oil production and consumption, 1993-2015



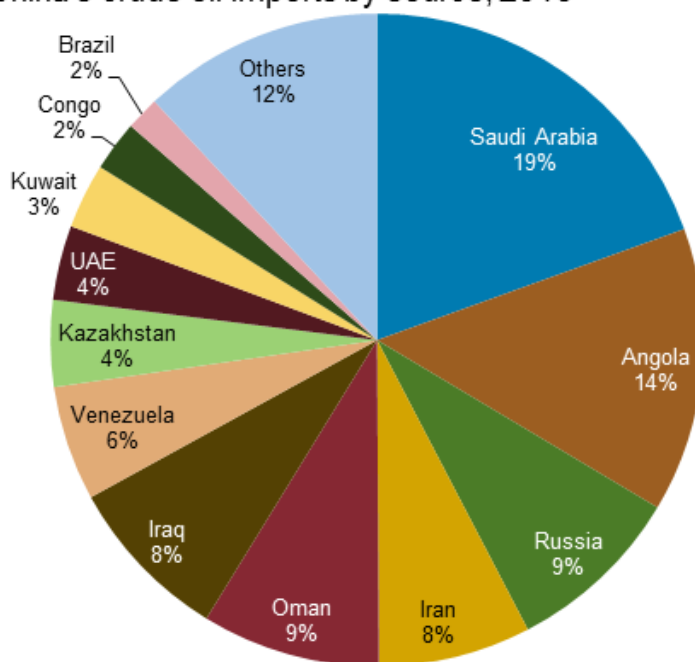
Hình 9b. Sản xuất và tiêu thụ dầu mỏ của TQ.

Vào năm 2010, lượng dầu nhập khẩu chiếm 52% lượng dầu cho tiêu thụ nội địa. Dự đoán khoảng 64,5% lượng dầu tiêu dùng trong nước phải nhập khẩu (Hình 9a-b). Do đó, các công ty dầu mỏ quốc doanh của TQ ráo riết tìm các nguồn dầu mỏ để đáp ứng nhu cầu an ninh năng lượng thông qua các dự án đầu tư, khai thác ở nước ngoài.

Các công ty dầu của TQ hiện đang đầu tư các dự án ở khắp nơi (Hình 10). TQ sẵn sàng tìm đến những vùng đất đang biến động để tìm dầu. TQ mua khoảng 1/2 triệu thùng dầu từ Iran dù Iran đang bị cấm vận. TQ gặp khó khăn trong việc mua dầu ở Libya, Sudan và Nam Sudan. TQ nhập nhiều hơn từ Nga, các nước Trung Cận Đông như Oman, United Arab Emirates và Iraq. TQ là khách hàng mua dầu lớn nhất của Iraq, nhưng tránh can thiệp vào nội tình nước này. TQ đang trở thành khách hàng lớn của các nước Châu Mỹ Latinh như Venezuela, Cuba, Ecuador, Brazil và Argentina, nơi thường được xem là sân sau của HK, và các chính phủ sống bằng nguồn xuất khẩu dầu thô là chính. Chuyến đi thăm Châu Mỹ Latinh vừa qua (trong tháng 7, 2014) của Tập Cận Bình cho thấy ảnh hưởng ngày càng tăng ở TQ ở vùng đất này. Ngoài ra, các nguồn nhập khẩu dầu khác của TQ ở Châu Á có Myanmar, Kazakhstan, Châu Phi có Nigeria, Angola, Chad, Gabon...

Các báo cáo về các hợp đồng đầu tư khai thác dầu của Trung Quốc ở nước ngoài trong những năm cho tới 2010 có tiềm năng mang lại khoảng 7,8 tỉ thùng dầu cho Trung Quốc. Nếu theo mức tiêu thụ của năm 2008 thì mức dầu này đủ để cung cấp cho Trung Quốc trong 3 năm⁹.

China's crude oil imports by source, 2013

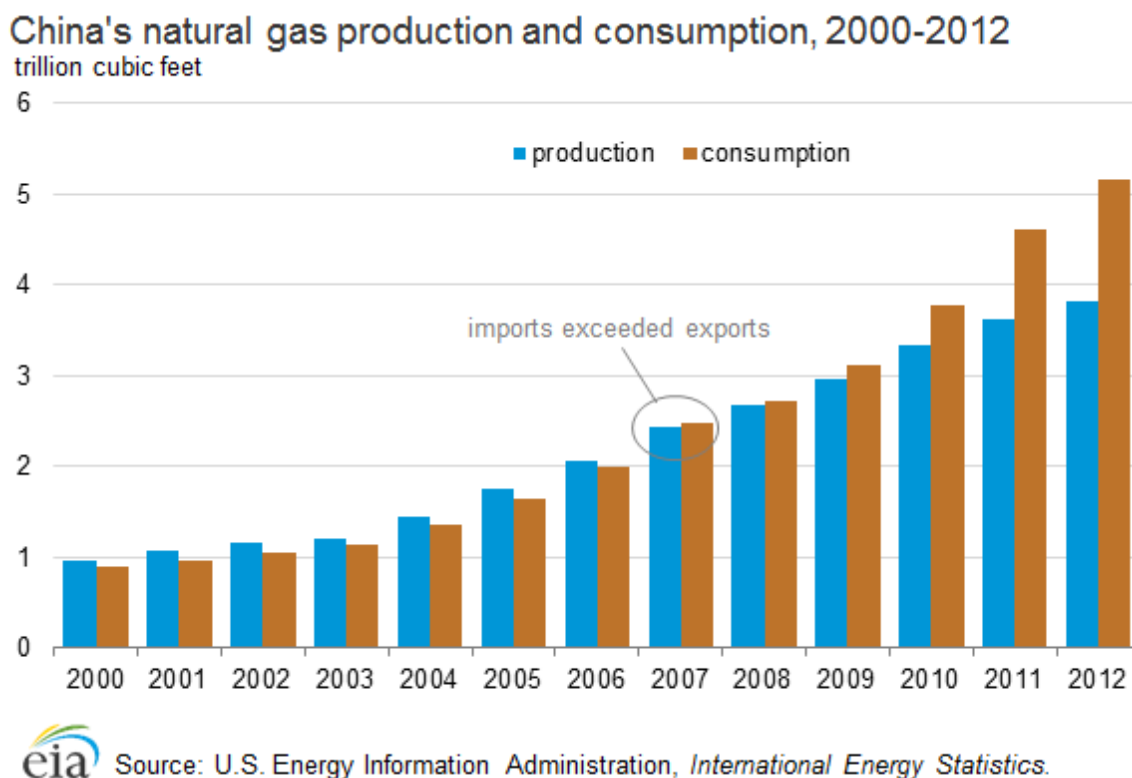


Source: FACTS Global Energy, Global Trade Information Services.

Hình 10. Nhập khẩu dầu thô của TQ trong năm 2013

⁹ Đã trích dẫn

Mức tiêu thụ khí đốt của Trung Quốc cũng tăng trưởng nhanh chóng (Hình 11). Dự đoán của IEA cho thấy trước năm 2015, Trung Quốc sẽ trở thành nước tiêu thụ khí đốt nhiều nhất châu Á Thái Bình Dương, vượt cả Nhật. Mức tăng tiêu thụ khí đốt khoảng 20%/năm, cao hơn rất nhiều mức tăng GDP¹⁰. Để đáp ứng nhu cầu khí đốt, Trung Quốc xây dựng hệ thống đường ống dẫn khí nhằm biến thị trường khí đốt trở thành một thị trường mang tầm quốc gia, thay vì lúc trước khí đốt chỉ phân bố trong những địa phương nhỏ. Bên cạnh đó, Trung Quốc đầu tư mua khí đốt từ các nước, chủ yếu là Trung Á, như Turkmenistan, và xây dựng các cảng để nhập khí hóa lỏng¹¹.



Hình 11. Sản xuất và tiêu thụ khí đốt của TQ.

Thỏa thuận trong tháng 5/2014 giữa TQ và Nga về việc Nga cung cấp khí đốt cho TQ trong vòng 30 năm đang xiết chặt mối quan hệ về cả kinh tế và chính trị. Thỏa thuận này sẽ giúp TQ ít phụ thuộc hơn vào các nước không ổn định, có đường vận tải an toàn. Về phía Nga sẽ có được thị trường tiêu thụ lớn, có thể đối phó với các cuộc cấm vận của HK và EU nếu họ thay thế nhập khí đốt từ Nga bằng các nước khác.

Từ 2018, mỗi năm, Nga sẽ cung cấp cho TQ 38 tỷ mét khối khí, đáp ứng đến 15% nhu cầu của TQ. TQ dự định dùng lượng khí này để thay thế một phần sản xuất điện bằng than đá.

¹⁰ Nobuyuki Higashi, "Natural Gas in China Market evolution and strategy," International Energy Agency Working Paper Series, June 2009, (http://www.iea.org/Papers/2009/nat_gas_china.pdf).

¹¹ Đã trích dẫn

2.3. Năng Lượng Hạt Nhân

TQ dự định tăng ít nhất gấp bốn lần lượng năng lượng sản xuất từ hạt nhân trước năm 2020. Kế hoạch này được thực hiện bằng cách sử dụng hiệu quả hơn các nhà máy đang hoạt động và xây dựng mới các nhà máy. Tổ Hợp Nguyên Tử Quốc Gia (The Chinese National Nuclear Corporation) – một tập đoàn nhà nước với khoảng 100 công ty con – chịu trách nhiệm đẩy mạnh phát triển công nghệ hạt nhân dùng cho mục đích hòa bình. Mặc dù điện hạt nhân sẽ không đóng vai trò chính trong danh mục cung cấp nhu cầu năng lượng của quốc gia, chính quyền TQ tuyên bố rằng năng lượng hạt nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường an ninh năng lượng quốc gia.¹² TQ nâng mục tiêu năng lượng hạt nhân lên 112 GWe vào trước năm 2020 và đạt 200 GWe vào năm 2030, 400 GWe vào năm 2050.^{13 14}

Tháng 11 năm 2010, khi CNNC công bố lễ khởi công xây dựng nhà máy điện hạt nhân công suất 650 MW ở miền Nam tỉnh Hải Nam, số nhà máy điện hạt nhân đang xây dựng ở TQ đã lên tới con số 26, và chiếm gần một nửa trong tổng số 58 nhà máy hạt nhân đang xây dựng trên toàn thế giới.¹⁵ Khu công nghệ năng lượng hạt nhân được lên kế hoạch xây dựng ở Haiyan với chi phí lên tới 175 tỉ USD trong 10 năm.

Trong giai đoạn đầu, việc xây dựng các nhà máy điện hạt nhân dựa hoàn toàn vào công nghệ nước ngoài. Nhưng theo thời gian, kinh nghiệm xây dựng các nhà máy điện hạt nhân dự đoán sẽ giúp TQ nắm bắt được công nghệ và tiến tới tự chủ về công nghệ thiết kế và xây dựng¹⁶. Nguồn nguyên liệu năng lượng hạt nhân được TQ khai thác chủ yếu ở Mông Cổ và Xinjiang, ngoài ra thông qua các hợp đồng khai thác, mua bán lâu dài với các nước như Úc, Canada, Kazakhstan, Uzbekistan và các nước châu Phi khác.

2.4. Năng Lượng Tái Tạo

Lo ngại chi phí đầu tư năng lượng mặt trời quá cao, khoảng 4 lần cao hơn mức năng lượng hóa thạch, và chưa chắc mang lại những hiệu quả như mong đợi, TQ dự định không hỗ trợ ngành công nghiệp năng lượng mặt trời trên quy mô toàn quốc. Nhưng để chiếm thị trường này, TQ sản xuất và xuất khẩu nhiều và rẻ nhất các pin mặt trời!

TQ dự định 15% tổng mức cung năng lượng đến từ năng lượng tái tạo. Đóng góp vào lượng năng lượng tái tạo này chủ yếu từ năng lượng thủy điện (hydropower) và những cơ sở năng lượng hạt nhân mới.

Năng lượng thủy điện chiếm khoảng 9 đến 10% trong tổng số 15% năng lượng tái tạo. TQ định tăng tổng năng lượng sản xuất từ thủy điện lên 300 GW vào trước năm 2020. Theo World Watch Institute, tiềm năng thủy điện của TQ lên tới 500 GW.¹⁷

¹² China National Nuclear Corporation, CNNC at a Glance. <http://www.cnncc.com.cn/tabid/160/Default.aspx>

¹³ Nuclear power capacity to rise," China Daily, November 4, 2010. http://www.chinadaily.com.cn/bizchina/2010-11/04/content_11503885.htm

¹⁴ World Nuclear Association, Plans For New Reactors Worldwide: <http://www.world-nuclear.org/info/inf17.html>

¹⁵ Đã trích dẫn.

¹⁶ World Nuclear Association, Nuclear Power in China: <http://www.world-nuclear.org/info/inf63.html>

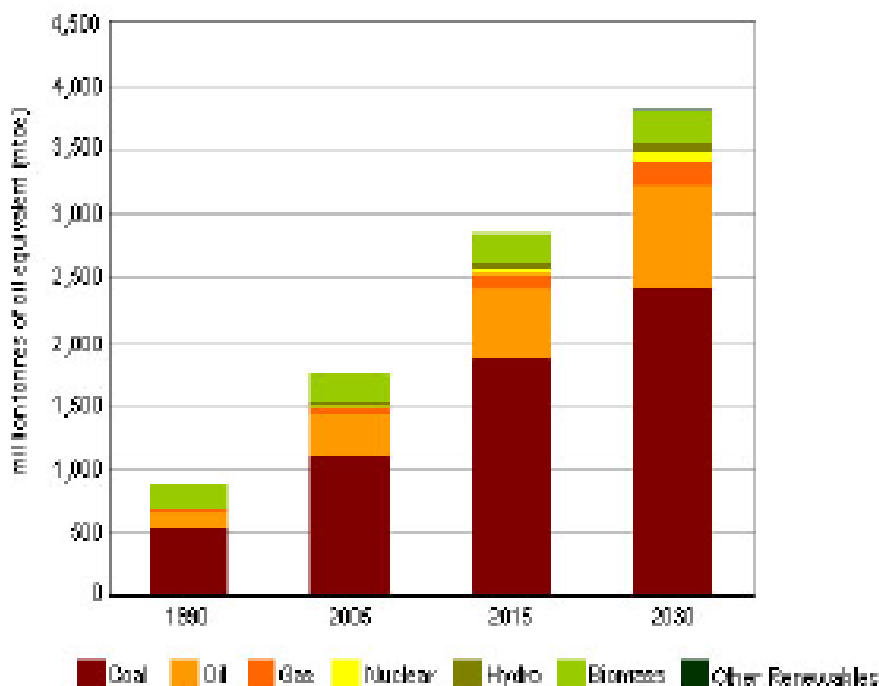
¹⁷ Institute for Energy Research, October 7, 2010. <http://www.instituteforenergyresearch.org/2010/10/07/obama%E2%80%99s-energy-policy-goals-versus-china%E2%80%99s/>

Thị trường điện gió của TQ phát triển nhanh chóng. TQ hiện có thị trường điện gió phát triển nhanh nhất trong thị trường các nước nằm ngoài khối các nước kinh tế phát triển OECD. Năng lượng điện gió dự đoán tăng từ 6 tỉ KWh trong năm 2007 lên tới 374 KWh vào năm 2035. Tuy vậy, mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng từ thủy điện.¹⁸

3. Chiến Lược An Ninh Năng Lượng của Trung Quốc

Dưới áp lực quốc tế, TQ đưa ra chương trình năng lượng “sạch” và chính phủ hỗ trợ rất nhiều. Tuy vậy, năng lượng tái tạo không hydro (non-hydro renewables) chiếm chưa tới 1 phần trăm tổng nhu cầu năng lượng của TQ, và mức này dự đoán sẽ có rất ít thay đổi trong vòng hai thập niên tới.

Như đã nêu trong phần trên, biểu đồ dự đoán chiến lược năng lượng của TQ cho thấy tương lai năng lượng của TQ chủ yếu từ than đá, dầu mỏ và khí đốt (Hình 12). Tuy TQ vẫn đầu tư vào các năng lượng tái tạo khác như năng lượng gió và mặt trời, mức đóng góp của các năng lượng tái tạo vào tổng mức cung năng lượng của Trung Quốc ở mức rất thấp.



Source: EarthTrends, 2008
(Using data from the World Energy Outlook, 2007)

Hình 12. Biểu đồ thành phần năng lượng của Trung Quốc, 2008

Chẳng hạn, TQ đã tăng tổng cung năng lượng từ gió ở mức 0.567 GW năm 2003 lên 12.2 GW vào năm 2008,¹⁹ và dự định tăng lên mức 100 GW vào năm 2020. Tăng lượng cung từ năng

¹⁸ EIA, World Energy Demand and Economic Outlook: <http://www.eia.doe.gov/oiaf/ieo/world.html>

¹⁹ Richard J. Campbell, China and the United States—A Comparison of Green Energy Programs and Policies, Congressional Research Service, June 14, 2010. <http://www.fas.org/sgp/crs/row/R41287.pdf>

lượng mặt trời từ 0.14 GW năm 2009 tới trên 1.8 GW năm 2020. Tuy vậy, 1.8 GW chỉ tương đương khoảng một nhà máy điện hạt nhân mới.

Mặc dù chính giới lãnh đạo TQ hiểu các tác hại của môi trường trong chính sách năng lượng của họ, nhưng chính vì mục tiêu tối hậu của TQ là sản xuất và xuất khẩu, và sự sung túc của xã hội, nên những mong muốn về kinh tế này đã vượt qua những lo ngại về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu hay hiệu ứng nhà kính.

TQ cam kết cắt giảm khí thải carbon khoảng 40 đến 45% từ năm 2005 đến 2020, nhưng thực tế không có gì cả hoặc với những chính sách hiện thời thì cũng sẽ không có những thay đổi gì đáng kể.^{20,21}

Những con số trên cho thấy thực chất TQ không dẫn đầu trong cuộc cách mạng năng lượng xanh mà thay vào đó TQ đang dẫn đầu trong một cuộc chạy đua toàn cầu nhằm tìm kiếm dầu mỏ, khí đốt, than đá, và năng lượng hạt nhân. Đó là những nguồn năng lượng nuôi dưỡng mức tăng trưởng kinh tế và đà tăng dân số của TQ.

Cần nói thêm là, bên cạnh đó, TQ dùng thế mạnh của mình là nhà sản xuất và cung cấp khoảng 97% tổng nhu cầu của thế giới về khoáng sản đất hiếm (rare earth mineral) – một loại nguyên liệu cần thiết và chưa có nguyên liệu khác thay thế dùng trong sản xuất turbin gió, tấm năng lượng mặt trời, pin cao cấp, đèn tiết kiệm năng lượng, và nhiều công nghệ cao cấp khác – để làm áp lực và đòi hỏi trong các giao dịch với các công ty sản xuất hàng công nghệ cao của các nước phương Tây và Nhật Bản. Chẳng hạn như đòi hỏi các công ty này tăng mức đầu tư vào TQ, bên cạnh sự chi phối về giá cả và lượng cung.

4. Trung Quốc ở Châu Phi

Như đã nói ở trên, sự hiện diện lâu dài của TQ ở CP cho phép TQ đi tìm, thu mua tài nguyên và năng lượng ở nhiều nước đang sản xuất dầu mỏ ở CP như Sudan, Chad, Nigeria, Angola, Algeria, Gabon, Equatorial Guinea... (xem Hình 13). Ở Sudan, vào năm 2005, TQ đã mua 50% tổng lượng dầu xuất khẩu trong năm của nước này. Cùng năm, Công ty quốc doanh CNOOC mua 45% vùng có dầu (offshore oil field) của Nigeria với 2.27 tỷ đôla. Nigeria là nước sản xuất dầu lớn nhất CP, và khoảng thứ 11 trên thế giới, với khoảng 4 triệu thùng dầu/ngày (2010), và một trữ lượng 35.2 tỷ thùng (80% ngân sách nước này là từ bán dầu thô, nhưng >70% dân số sống trong nghèo đói, nhưng đó là chuyện khác!). Đặc biệt là ở CP, TQ nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu.

²⁰ Edward Wong and Keith Bradsher, "China Joins U.S. in Pledge of Hard Targets on Emissions," New York Times, November 26, 2009. http://www.nytimes.com/2009/11/27/science/earth/27climate.html?_r=1

²¹ Michael A. Levi, "Assessing China's Carbon-Cutting Proposal," Council on Foreign Relations, November 30, 2009. http://www.cfr.org/publication/20862/assessing_chinas_carboncutting_proposal.html

CHINA'S GRAB FOR AFRICA

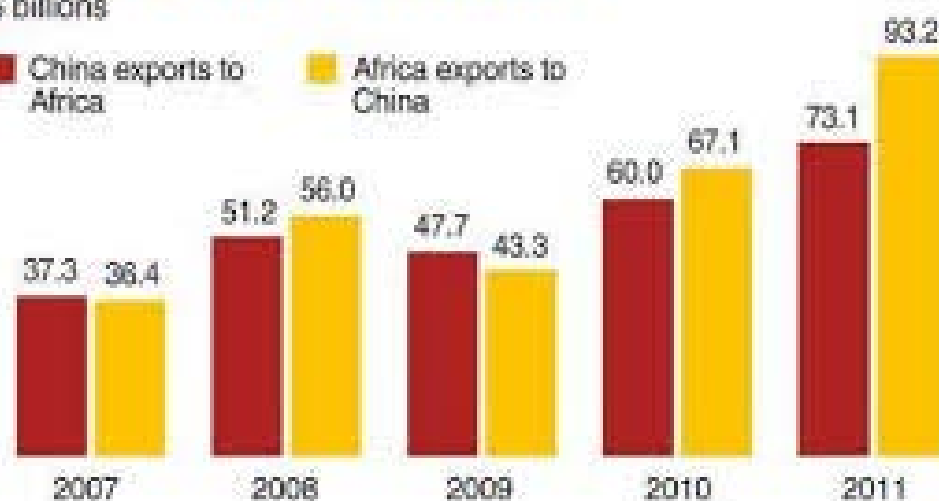


China-Africa trade

\$ billions

■ China exports to Africa

■ Africa exports to China



Data from China Customs and National Bureau of Statistics

AFP

Hình 13. Nhập và xuất khẩu giữa TQ và Châu Phi.

Về cơ bản, TQ sử dụng chiến lược 'viện trợ để lấy dầu' (aid-for-oil) ở CP. Các công ty TQ ráo riết đi lùng mua dầu và tài nguyên, trong khi chính phủ TQ liên tục ve vãn giới cầm quyền CP bằng ngoại giao, hiệp ước thương mại, xóa nợ, các chương trình viện trợ... Thật ra TQ sử dụng cách làm của các nước HK và các nước Tây Âu: tài trợ hay trực tiếp xây dựng các công trình lợi ích công cộng như trường học, bệnh viện, cầu đường, xe lửa, hệ thống điện thoại, trao đổi thương mại với các nước nghèo kèm theo viện trợ.

Trước một giới cầm quyền tham nhũng và thối nát ở khắp CP, TQ thực hiện được quá dễ dàng các chính sách này. Đừng quên rằng TQ là bậc thầy với truyền thống hối lộ và tham nhũng!, nên hầu như TQ đã 'mua' trọn giới lãnh đạo CP.

Một cách làm ăn trao đổi cũng khá phổ biến là việc bán vũ khí cho các chính quyền CP và lấy lại bằng dầu và nguyên liệu. TQ xem CP là một mảnh đất màu mỡ để bán vũ khí đủ loại, nhất là các vũ khí nặng và các phương tiện quân sự. Khác với các cường quốc EU, TQ không lo lắng về các vấn đề nhân quyền, hay bị phản đối việc bán vũ khí cho các chế độ độc tài, quân phiệt. TQ cũng đã gởi chuyên viên quân sự qua các nước CP để đào tạo quân đội bản xứ, và để củng cố vị trí và bảo vệ các công trường khai thác của họ. Thêm vào đó, TQ luôn được hỗ trợ của các nước CP như Sudan, Zimbabwe, Nigeria... tại các diễn đàn quốc tế như Liên Hiệp Quốc trong việc chống lại việc đòi độc lập của Đài Loan và các đòi hỏi khác, chẳng hạn như các đòi hỏi về cắt giảm khí thải tại Hội Nghị Liên Hiệp Quốc về Thay Đổi Khí Hậu ở Copenhagen năm 2009. TQ sử dụng xuất khẩu vũ khí như một dụng cụ ngoại giao.²²

Theo các ước tính, trong thập niên 1993 - 2003, TQ đưa vào CP đến 10-15% của tổng số vũ khí cổ điển. Vũ khí TQ có mặt tại khắp các nước có xung đột vũ trang như Sudan, Ethiopia, Eritrea, Burundi, Tanzania, Zimbabwe, Congo. Đặc biệt, TQ trang bị tận răng cho chính quyền Mugabe ở Zimbabwe, từ máy bay, xe quân sự, dụng cụ thông tin quân sự... Tháng 5/2000, TQ trao đổi vũ khí với Mugabe đổi lại 8 tấn ngà voi!²³

²² Xem bản báo cáo 'China's Arms Sales Motivations and Implications', D. Byman avf R. Cliff, RAND Corporation (2005).

²³ E. Pan, New York Times, 18/01/2006.





Hình 14. Vài biếm họa về hoạt động kinh tế của TQ ở Châu Phi.

Tổng số tiền xuất và nhập của TQ ở CP vào năm 2012 lên đến 200 tỷ đôla (tăng 19% so với 2011). TQ nhập dầu thô, khoáng sản, và xuất khẩu qua CP hàng hóa tiêu thụ rẻ tiền. Hàng hóa rẻ của TQ đang làm tê liệt nền sản xuất nhỏ và hàng nội địa của các nước này.

5. Phản Ứng của Hoa Kỳ trước Ảnh Hưởng của Trung Quốc ở Châu Phi

Thật ra khó thể hiểu được phản ứng của Hoa Kỳ ở Châu Phi, nếu tách riêng CP ra khỏi chính sách toàn cầu của siêu cường này. Nhưng để làm gọn lại vấn đề, chúng tôi chỉ xem xét trong phần này các chính sách của HK có liên quan đến CP. Các chiến lược, chính sách của HK

cũng như của các cường quốc Tây Âu đối với sự trỗi dậy của TQ được giới thiệu trong phần Phụ Lục ở cuối bài.

Chính sách của HK đối với châu Phi thay đổi một cách nhanh chóng, và chịu sự tác động mạnh mẽ từ vai trò ngày càng ăng c ủa TQ ở châu Phi. Trong chiến lược tranh cử 2000, lúc đầu G. W. Bush cho rằng châu Phi không nằm trong “quyền lợi chiến lược của quốc gia” của HK. Tuy vậy, sau đó các chính sách của chính quyền này cho thấy một sự xoay trục mạnh mẽ của HK trong các chính sách hướng tới châu Phi.

Chính sách xoay trục của Mỹ với châu Phi được phát biểu rõ nét trong các báo cáo của Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ (Chiến lược an ninh quốc gia, National security strategy, NSS). Nếu như trong báo cáo NSS 2002, châu Phi được nhìn nhận như một châu lục nơi “hứa hẹn và cơ hội đi cùng với bệnh tật, chiến tranh, và đói nghèo vô vọng đe dọa giá trị cốt lõi của Hoa Kỳ -- giữ gìn nhân phẩm – và ưu tiên chiến lược của chúng ta – chống khủng bố”, thì trong báo cáo NSS 2006, châu Phi là một “nơi của hứa hẹn và cơ hội, gắn bó với Hoa Kỳ qua lịch sử, văn hóa, thương mại, và mang ý nghĩa chiến lược”, một lục địa “nắm giữ vai trò quan trọng về địa chiến lược ngày càng tăng” và “nằm trong ưu tiên” của chính quyền Bush.

Do vậy, HK cam kết thúc đẩy phát triển kinh tế và cách điều hành các cơ chế dân chủ trên lục địa thông qua cơ chế “đối tác” thay vì “chủ nghĩa gia trưởng”. Sự đổi giọng này được lặp lại liên tục bởi các viên chức ngoại giao trong các cuộc thăm viếng và tiếp xúc báo chí.

Tháng 7/2003, Bush thực hiện chuyến đi thăm đầu tiên đến châu Phi. Trong chuyến thăm này, HK tuyên bố kế hoạch khẩn cấp cung cấp 15 tỉ đô la trong vòng 5 năm cho chương trình hỗ trợ bệnh AIDS, 1,2 tỉ đô la cho chương trình chống sốt rét, và xây dựng Tổ Hợp Thách Thức Thiên Niên Kỷ (Millennium Challenge Corporation, MCC) hỗ trợ các nước quản lý tốt thông qua các gói viện trợ. Cùng thời điểm đó, các hỗ trợ của HK cho CP đã tăng gấp 3 lần trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của ông.

Theo các chuyên gia, vai trò ngày càng ăng c ủa TQ ở châu Phi chính là hồi chuông cảnh tỉnh HK về ảnh hưởng của TQ. Các tiết lộ ngoại giao cho thấy một mối quan ngại ngày càng tăng vai trò của TQ ở châu Phi rằng việc TQ theo đuổi các chiến lược kinh tế và chính trị ở CP làm xói mòn thành công của HK trong giảm đói nghèo và tầm ảnh hưởng của HK ở châu Phi.

Nỗ lực của HK trong việc hiểu biết hơn về tầm ảnh hưởng của TQ ở châu Phi thể hiện trong chiến dịch có tên gọi “chủ trương thu thập thông tin tình báo quốc gia” (National human intelligence collection directive), đưa ra năm 2009, dưới quyền của Hillary Clinton, gửi cho các đại sứ HK nhằm tìm kiếm thông tin về các hoạt động chi tiết về giao thương, viện trợ, và đầu tư của TQ ở vùng Great Lakes, châu Phi.

Bên cạnh đó, chính quyền HK trong nhiệm kỳ của Obama cũng đã dành những chuyến viếng thăm cao cấp đến châu Phi, như chuyến đi 7 ngày của Bộ trưởng ngoại giao Clinton đến 7 nước ở châu Phi tháng 6 năm 2009, chuyến đi một tuần của Phó Tổng thống Mỹ Biden đến châu Phi vào tháng 7/2010.

Tháng 6/2011, Ngoại trưởng Clinton lại đi thăm CP, và đọc một bài diễn văn quan trọng ở Zambia cảnh cáo ảnh hưởng của 'thực dân mới' đang hăm dọa châu Phi ('We saw that during

colonial times, it is easy to come in, take out natural resources, pay of leaders and leave...'). Trong năm 2009, TQ đã trở thành đối tác thương mại chính của CP, vượt qua hẳn HK. Tổng số tiền TQ đầu tư vào CP đã tăng từ 100 triệu đôla trong năm 2003 lên đến hơn 12 tỉ đôla trong năm 2011.

Khi cho rằng châu Phi chứa đựng các cơ hội và thách thức như trong báo cáo NSS-2010, HK muốn nhấn mạnh đến các hợp tác về phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện việc tiếp cận năng lượng ổn định và tăng cường thương mại, đầu tư, bên cạnh các hợp tác truyền thống như quản trị công, luật lệ, minh bạch, v.v. Rõ ràng, những lĩnh vực này từ lâu đã trở thành mối quan hệ chính giữa châu Phi và TQ.

Do đó, báo cáo cho thấy mong muốn của HK trong việc cạnh tranh với TQ trong các lĩnh vực này, vốn một thời từng bị bỏ rơi bởi các nhà viện trợ.

Tại Millenium Development Goals Summit vào tháng 9/2010, tổng thống Obama cho thành lập “U.S. Global Development Policy” với mục đích tăng cường hình ảnh của Hoa Kỳ là một nhà viện trợ, bên cạnh đó tập trung đầu tư và hợp tác trên một số lĩnh vực và ở một số nước chọn lọc.

Tuy vậy, các gắn kết của HK với châu Phi vẫn chủ yếu vì các vấn đề về an ninh và quân đội. Bên cạnh AFRICOM, các hoạt động của HK giới hạn chủ yếu trong các hoạt động chống khủng bố. Ngân khoản cho các hoạt động quân sự của HK ở châu Phi tăng gấp ba lần chỉ trong một năm, từ 8,2 triệu USD năm 2010 đến 25,5 triệu USD năm 2011.

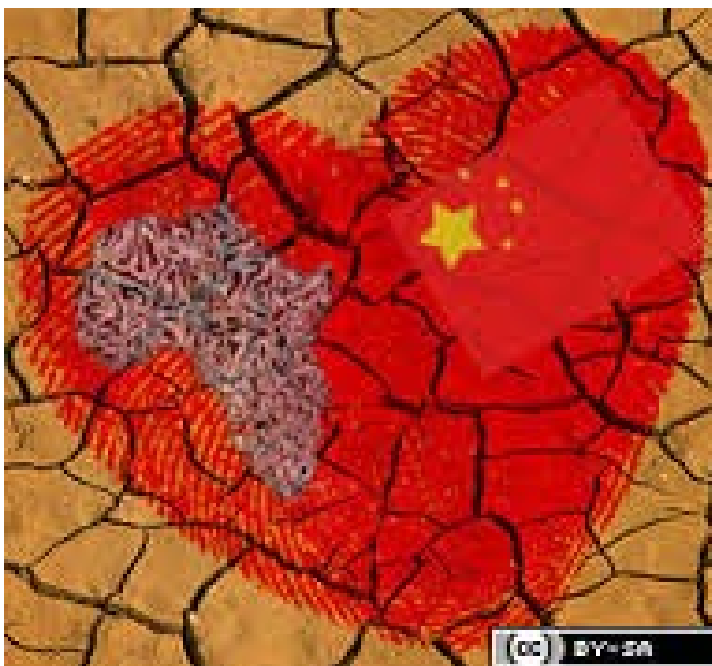
Trong khi đó, TQ tập trung vào các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp các khoản tín dụng và tìm kiếm đồng minh ngoại giao, thì HK chủ yếu tập trung vào các hoạt động quân sự và chống khủng bố. TQ luôn khôn khéo không can thiệp vào công việc 'nội bộ' của các chế độ CP. Trước tháng 2/2010 ở Niger, một nước có nhiều mỏ uranium, TQ luôn ủng hộ chế độ độc tài Tandja. Nhưng khi phe quân sự lật đổ Tandja, TQ tuyên bố sẵn sàng tiếp tục buôn bán, viện trợ cho chính quyền mới, như không có gì xảy ra. Ngược lại HK luôn làm phiên giới cầm quyền CP vì luôn lên tiếng dạy họ về dân chủ, nhân quyền... (kể cả dạy giới cầm quyền TQ).

Có một lĩnh vực mà cả hai TQ và HK đều có phần và cạnh tranh với nhau là nhập khẩu nguyên liệu thô. Báo cáo NSS-2010 nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong việc hợp tác với các đối tác toàn cầu nhằm giải quyết các thách thức của châu Phi. Các vấn đề TQ và HK đưa ra thảo luận gồm có sự bền vững của việc vay nợ (debt sustainability), các hoạt động gìn giữ hòa bình (peace operations), giải quyết xung đột và khủng bố, các rủi ro gây ra bởi tai tiếng của các công ty TQ ở châu Phi, tăng cường tính minh bạch trong các ngành công nghiệp khai khoáng, sức khỏe cộng đồng và các bệnh truyền nhiễm.

Tuy nhiên, các nỗ lực nhằm đưa ra các dự án hợp tác nghiêm túc giữa HK và TQ bị thất bại. Một tỉ lệ đông đảo các nước cộng đồng châu Phi cảm thấy dị ứng với khái niệm TQ và HK cùng hợp tác phát triển ở châu Phi. Bên cạnh đó, ý kiến của các nhà ngoại giao HK ở châu Phi cũng cho rằng không có nhiều triển vọng trong cơ hội hợp tác giữa TQ và HK ở đây. Nguyên nhân là vì nhiều cộng đồng ở châu Phi không có thiện cảm với TQ, và tốt hơn là HK nên tránh xa việc hợp tác với TQ, hoặc ít nhất là đừng công khai mối quan hệ hợp tác này.

Một số ý kiến khác cho rằng việc hợp tác nếu thực hiện được sẽ mang lại nhiều ý nghĩa tích cực, tuy vậy, không có nhiều lĩnh vực để TQ và HK có thể hợp tác được vì TQ và HK tiếp cận vấn đề theo những hướng thường trái ngược nhau, chẳng hạn như cách tiếp cận trong hỗ trợ phát triển, thái độ đối với tham nhũng, hay sự khác nhau về phương thức kinh doanh của các công ty TQ và HK ở châu Phi. Sự nghi ngờ lẫn nhau và rào cản ngôn ngữ giữa các viên chức TQ và HK cũng đóng một vai trò ảnh hưởng đến các dự án hợp tác.

Nhìn chung HK vẫn luôn lúng túng trong chính sách, chiến lược ở châu Phi để đối phó với ảnh hưởng TQ. Nếu không có một chính sách gì khác, hay một đột biến nào đó, vai trò của HK sẽ tàn phai trong thập niên sắp tới, và lúc đó người ta chỉ còn thấy một màu cờ đỏ ở CP trên một mảnh đất khô cằn nứt nẻ.!



Lời Kết

Chiến lược 'viện trợ đổi dầu' (aid-for-oil) ở châu Phi của TQ trong mấy thập kỷ qua đã đạt nhiều thành công, đưa về TQ một số lượng dầu thô khá lớn, cùng với một số tài nguyên khác. Nhưng TQ đã và đang gặp một số phản ứng của dân chúng CP. Những biến cố ở Niger trong năm 2013 dẫn đến mâu thuẫn giữa chính quyền nước này với các công ty TQ khai thác công trường bơm dầu thô và nhà máy lọc dầu cho thấy dân địa phương bắt đầu đòi hỏi nhiều hơn ở phía TQ, trong điều kiện làm việc, lương bổng... Họ đã biết nói 'không' với các công ty TQ.

Gần đây, Lamido Sanusi, thống đốc ngân hàng trung ương của Nigeria có viết rằng: 'TQ đến lấy tài nguyên của chúng tôi, và bán lại cho chúng tôi hàng tiêu dùng. Đó chính là nền tảng

của chủ nghĩa thực dân'.²⁴ Trong chuyến công du thế giới đầu tiên của Tập Cận Bình trong tháng 3/2014 là ở ba nước Tanzania, Nam Phi và Congo, ông đã cố gắng xoa dịu các lo lắng của dân CP, bằng cách tiếp tục đưa thêm các chương trình viện trợ, hợp tác phát triển, buôn bán cùng có lợi.... Tập đưa ra chiêu bài 'Giấc mơ Trung Quốc' (China Dream) về sự phồn vinh cho toàn thế giới, trong đó chắc có CP.

Nhìn chung, mặc dù sự hiện diện và hoạt động của TQ luôn bị phê phán là có những tính toán thực dân, một số không nhỏ dân CP chấp nhận sự hiện diện và ảnh hưởng của TQ. Lý do đơn giản là với viện trợ của TQ, đời sống của một số thành phần dân CP có được cải thiện, qua các trường học, bệnh viện, cầu đường, và nhất là vì giới lãnh đạo CP quá tham nhũng, tệ hại, thối nát... chỉ biết bỏ tiền viện trợ vào túi, và không thực hiện một công trình nào đáng kể để cải thiện đời sống người dân.

Với một dân số rất trẻ, 60% dưới 24 tuổi, nhu cầu công ăn việc làm, thăng tiến xã hội rất lớn, người dân CP sẵn sàng chấp nhận việc đánh đổi dầu mỏ, tài nguyên thiên nhiên cho TQ để lấy việc làm qua việc đầu tư, xuất khẩu, phát triển kinh tế... và từ đó cải thiện đời sống. Và TQ chỉ mong có thể thôi, vì cơn đói dầu và tài nguyên của TQ sẽ kéo dài hàng thế kỷ!

Tham Khảo

Arrey, S. T., 2013, Assessing China's Soft Power Diplomacy in Africa in the Context of Postmodern Thinking, *International Letters of Social and Humanistic Sciences*, 10: 32-45

Belligoli, S., 2011, The EU and the US: Visions of China's rise and of China's growing presence in Africa, *Universite Catholique de Louvain, Note d'Analyse* 14.

Brookes, P. & J. Hye. Shin, 2006, China's Influence in Africa: Implications for the United States, *Backgrounders* 1916, 22.02.2006

Brookes, P., 2007, Into Africa: China's Grab for Influence and Oil, *Heritage Lectures* 1006, 09.02.2007.

Campbell, H., 2008, China in Africa: Challenging US global Hegemony, *Third World Quarterly* 29, 1: 89-105.

Condon, M., 2012, China in Africa: What the Policy of Nonintervention Adds to the Western Development Dilemma, *Praxis The Fletcher Journal of Human Security* 27.

Haroz, D., 2011, China in Africa: Symbiosis or Exploitation?, *The Fletcher Forum of World Affairs*, 35:2

Messer, D., Humphrey, J., & Gu, J., 2007, Global Governance and Developing Countries: The Implications of the Rise of China, *German Development Institute Discussion Paper* 18/2007.

²⁴ Lamido Sanusi, 'China takes our primary goods and sells us manufactured ones. This was also the essence of colonialism', *The Financial Times*, February 2013.

Pehnelt, G., 2007, The Political Economy of China's Aid Policy in Africa, Jena Economic Research Papers # 2007-051.

Rotberg, R. I., 2008, China into Africa, Trade, Aid, and Influence, Washington, D.C.: Brookings Institution Press.

Rotberg, R. I., 2003, State Failure and State Weakness in a Time of Terror, Washington, D.C.: Brookings Institution Press.

Sautman, B. & Hairong, Y., 2007, Friends and Interests: China's Distinctive Links with Africa, African Studies Review 50, 3: 75-114.

Zweig, D. & Jianhai, B., 2005, China's Global Hunt for Energy, Foreign Affairs, 9-10/2005.

Woods, N., 2008, Whose aid? Whose influence? China, emerging donors and the silent revolution in development assistance, International Affairs 84, 6 : 1205-1221.

Phụ Lục:

Phản ứng của chính quyền Hoa Kỳ và Tây Âu trước sự trỗi dậy của Trung Quốc.

1. Phản ứng của Hoa Kỳ.

Mặc dù TQ nỗ lực xây dựng hình ảnh sự phát triển của mình qua khái niệm “trỗi dậy hòa bình” và “phát triển hòa bình”, góc nhìn phổ biến ở Hoa Kỳ là TQ cùng với sự lớn mạnh của nó là một mối đe dọa lớn. Góc nhìn này đặc biệt phổ biến ở các quan chức cao cấp thuộc Lầu Năm Góc và các think-tank cánh hữu. Nó nhấn mạnh đến các điểm mạnh của TQ dẫn đến các phản ứng mạnh mẽ đối với sự trỗi dậy của TQ.

Một trường phái khác tồn tại song song cho rằng cần hợp tác với TQ. Trong trường phái này, cho rằng thay vì tập trung vào các đe dọa về quốc phòng, nhấn mạnh đến các thách thức về xã hội và kinh tế liên quan đến sự trỗi dậy của TQ, mà chỉ có cách hợp tác với TQ thì Hoa Kỳ mới có thể giải quyết được. Góc nhìn này lan tỏa ảnh hưởng kể từ bài báo của Henry Kissinger với tựa đề “China: Containment won't work”.²⁵

Từ chỗ xem TQ là một “kẻ cạnh tranh tầm chiến lược” (strategic competitor), nhóm này xem TQ là “một đối tác có trách nhiệm” (responsible stakeholder). Khái niệm này phổ biến hơn kể từ khi Robert Zoellick cho rằng tầm quan trọng của TQ đối với Hoa Kỳ ngày càng tăng trong nỗ lực giải quyết các vấn đề từ kinh tế (như nợ của HK, khủng hoảng tài chính...), địa chính trị (Bắc Hàn, Iran) cho tới các thách thức toàn cầu (biến đổi khí hậu, bệnh truyền nhiễm...).

Từ chỗ mối quan hệ thuần túy là mối quan hệ giao dịch song phương, mối quan hệ TQ-HK đã chuyển thành mối quan hệ hợp tác đối thoại để cùng giải quyết các vấn đề toàn cầu. Những vấn đề này được nêu ra vào buổi Đối Thoại Kinh Tế Chiến Lược Hoa Kỳ - Trung Quốc (US-China Economic and Strategic Dialogue), một cơ chế được nâng cấp bởi chính phủ Obama nhằm thay thế Đối Thoại Cấp Cao (Senior Dialogue) và Đối Thoại Chiến Lược Kinh Tế (Strategic Economic Dialogue) được tạo ra bởi nội các George W. Bush.

²⁵ Kissinger, H., “China: Containment won't work”, Washington Post, 13.6.2005.

TQ nhìn chung thích được gọi là “đối tác có trách nhiệm” hơn. Tuy vậy, TQ cho rằng việc đề cao vị trí của mình sẽ đi kèm với trách nhiệm nhiều hơn; về phía mình TQ cho rằng mình chỉ là “một nước đang phát triển có trách nhiệm” và với khả năng hạn chế có thể không đáp ứng được các trách nhiệm quốc tế này, và lại TQ hành động trước hết vì lợi ích kinh tế và sự phồn thịnh cho riêng mình trước khi gánh thêm các trách nhiệm toàn cầu. Đó là một biện pháp để TQ thoái thác trách nhiệm với cộng đồng quốc tế và thực hiện các chiến lược của mình bất chấp hậu quả về các tác động có thể gây ra trực tiếp hay gián tiếp.

Sự thay đổi cách tiếp cận của HK đối với TQ thể hiện rõ nét trong nội dung các báo cáo Chiến lược An Ninh Quốc Gia (National Security Strategy, NSS).

Trong báo cáo NSS-2002, HK một mặt hoan nghênh một TQ thịnh vượng, hòa bình và mạnh mẽ, mặt khác lên án TQ đầu tư các vũ khí công nghệ cao nhằm đe dọa hòa bình và an ninh vùng châu Á-Thái Bình Dương, nhấn mạnh những bất đồng trong vấn đề Đài Loan, nhân quyền và các vấn đề về không phổ biến vũ khí hủy diệt. Báo cáo cũng cho rằng cuộc chuyển đổi của TQ chưa hoàn thiện và nói rộng kinh tế cuối cùng sẽ dẫn đến dân chủ; ý kiến này một lần nữa được xác nhận lại trong NSS 2006.

Trong báo cáo NSS 2006, HK bày tỏ quan ngại mạnh mẽ hơn về chính sách năng lượng của TQ và việc tăng cường khả năng quốc phòng, mặc dù vấn đề Đài Loan được làm nhẹ đi.

Tiến triển trong chính sách của HK đối với TQ được đánh dấu bằng việc xuất hiện khái niệm “đối tác có trách nhiệm”, vốn trở nên phổ biến từ 2005. Theo HK, vai trò của “đối tác có trách nhiệm” đồng nghĩa với việc TQ cần phải thực hiện trách nhiệm của mình bằng cách làm việc với HK và các đối tác khác để duy trì và phát triển các chuẩn mực và luật lệ của thế giới vốn đã giúp TQ phát triển trong các thập niên qua.

Nội dung báo cáo NSS-2010 khá khác. HK cho rằng TQ đã tích cực hơn với các hoạt động toàn cầu và thể hiện một vai trò lãnh đạo có trách nhiệm. HK do đó cam kết theo đuổi một mối quan hệ tích cực, xây dựng và cảm thông với TQ. Trong các thông điệp ngoại giao của mình, HK thể hiện một thái độ rõ rệt nhằm giảm thiểu các xích mích ngoại giao như các vấn đề về chi tiêu quốc phòng, Đài Loan, HK cũng giảm nhẹ tầm quan trọng trong các vấn đề phát triển dân chủ ở TQ, đồng thời nhấn mạnh các cơ hội hợp tác để giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Những nét chính trong chính sách tiếp cận của HK với TQ được phản ánh thông qua Bản Tuyên Bố Chung Hoa Kỳ-Trung Quốc (US-China Joint Statement) đưa ra ngày 17/11/2009 nhân chuyến thăm của Obama đến thăm TQ. Trong tuyên bố này, bản tuyên bố cho rằng mỗi nước có quyền chọn con đường phát triển riêng của mình và các nước khác nên tôn trọng quyết định này, cả Hoa Kỳ và Trung Quốc đều công nhận rằng có khác biệt trong cách nhìn nhận nhân quyền và điều này cần được xem xét trên tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Hoa Kỳ cam kết làm việc với các quốc gia để giải quyết các vấn đề quốc tế khó khăn và hoan nghênh một nước TQ mạnh mẽ, phồn thịnh và thành công đóng một vai trò lớn hơn trong nỗ lực giải quyết các vấn đề quốc tế.

Việc giữ hồ sơ nhân quyền nhẹ đi của chính quyền Obama được đổi lại bằng quyết định của Bắc Kinh khi đồng ý trừng phạt Iran ở Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và định giá lại đồng

Nhân Dân Tệ vào tháng 6/2010. Tuy nhiên, trừng phạt Iran đã không được thực thi một cách nghiêm túc và việc định giá lại đồng Nhân Dân Tệ cũng khá giới hạn. Thái độ của chính quyền Obama cùng với ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính do đó đã giúp tăng cường vị thế của TQ trước thế giới.

Mặc dù các nỗ lực nhằm giảm thiểu các vấn đề gai góc, các căng thẳng đã bắt đầu xuất hiện giữa HK và TQ. Trong Hội Thảo Về Biến Đổi Khí Hậu ở Copenhagen, Trung Quốc rõ ràng đã tăng cường mối quan hệ với các siêu cường đang lên khác. Các quan hệ quân đội giữa HK và TQ đã gián đoạn khi chính quyền Obama đồng ý bán vũ khí cho Đài Loan. Đ ức Đạt Lai Lạt Ma thăm Nhà Trắng vào tháng 2 năm 2010. Các xung đột về thương mại khác bên cạnh các vấn đề còn tồn tại như định giá thấp đồng Nhân Dân Tệ, thâm thủng thương mại cũng góp phần làm mối quan hệ TQ-HK trở nên gai góc hơn.

Trong mấy tháng vừa qua, trước việc TQ dựng dàn khoan dầu HN-981 trong hải phận Việt Nam, cả chính phủ và quốc hội HK đều có những phản ứng. Hiện nay còn quá sớm để hiểu hết diễn biến và ảnh hưởng trên chiến lược trên biển Đông Nam Á của TQ.

2. Phản ứng của Tây Âu trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Trong vòng hai thập kỷ qua, chính sách đối ngoại của Liên Minh châu Âu (EU) đối với Trung Quốc dịch chuyển từ “mối quan hệ lâu dài” (long term relationship) vào năm 1995, “đối tác hiểu biết” (comprehensive relationship) vào năm 1998, “đối tác trưởng thành” (maturing partnership) năm 2003, đến mối quan hệ “chiến lược và lâu dài” (strategic and enduring relationship) vào năm 2006.

Mối quan hệ giữa EU và Trung Quốc chủ yếu nằm trong khuôn khổ Hiệp Định Hợp Tác Kinh Tế Thương Mại (Trade and Economic Cooperation Agreement) được kí kết giữa TQ và EU vào năm 1985. Kể từ đó đến gần đây, giữa TQ và EU đã tr ải qua trên 50 cuộc đối thoại lĩnh vực nhằm thảo luận trên các chủ đề khác nhau từ văn hóa cho đến hợp tác thuế quan, nhưng vẫn chưa đưa ra được một cơ chế nhằm tiến tới một hiệp định mới. Những cuộc thương thuyết kể từ năm 2007 đến bây giờ cũng chưa có dấu hiệu rõ ràng nào cho việc kí kết một hiệp định mới.

Năm 2008 chứng kiến sự thụt lùi của mối quan hệ EU-TQ. Một loạt sự kiện đã làm mối quan hệ EU-TQ bị tổn thương. Tháng 4 những người biểu tình ủng hộ Tây Tạng làm gián đoạn cuộc rước đuốc Olympic ở Paris. Tháng 6 giới lãnh đạo TQ lên tiếng khi EU thương thảo cho chuyển thăm châu Âu của Đạt Lai Lạt Ma. EU nêu ra vai trò của TQ ở Darfur, và các vấn đề về nhân quyền, đàn áp của TQ đối với phong trào nổi dậy ở Lhasa. Tất cả những điều trên đã dẫn đến những kêu gọi tẩy chay Olympic Bắc Kinh 2008. Cuối cùng, tổng thống Pháp Sarkozy, chủ tịch EU, đã dự lễ khai mạc thể vận hội BK. Cuộc viếng thăm của Đạt Lai Lạt Ma ở các nước châu Âu cùng lúc với cuộc họp Thượng Đỉnh lần thứ 11 EU-TQ (11th China-EU summit)... đã làm xấu đi mối quan hệ TQ -EU. Lần đầu tiên trong 11 năm, cuộc họp hàng năm giữa TQ và EU cuối cùng bị hủy. Tuy vậy, cuộc họp vào năm sau, 2009, cuối cùng đã được nối lại và mối quan hệ EU-TQ quay lại đường cũ cho đến nay.

Trong các vấn đề về chính sách với TQ, EU đã thể hiện một sự lúng túng và nhất là sự thiếu thống nhất và thiếu đoàn kết cố hữu trong chính sách của mình. Đó là kết quả của chính những khác biệt và khó khăn nội tại của EU. Sự khác biệt đầu tiên là ở vị trí và vai trò của các thành viên EU, bên cạnh viễn kiến khác nhau của mỗi quốc gia. Sự thiếu nhất trí và mục tiêu chung đã khiến không tạo ra được một chính sách thống nhất bền chặt của EU đối với TQ (hay đối với bất cứ một vấn đề quốc tế quan trọng nào khác, như các sự kiện gần đây ở Ukraine). Chính sách cấm vận vũ khí của EU đối với TQ là một trò cười!

EU sau khi làm dịu đi mối quan hệ với TQ đã bắt đầu xem xét việc thắt chặt lại luật lệ trong một số lĩnh vực như chống phá giá, bảo vệ sở hữu trí tuệ, chính sách phân bổ đầu tư ở TQ, và chính sách định giá đồng tiền Nhân dân tệ.

TQ đối phó lại bằng cách dùng hầu bao rộng rãi của mình tăng cường các khoản vay và hỗ trợ tài chính cho, tăng cường buôn với, các quốc gia Nam và Đông Âu, nhằm gây nên một EU với vị thế yếu hơn làm đòn bẩy trong các cuộc mặc cả với TQ.

Chính vì vậy, việc thực hiện các chính sách và xử lý các mối quan hệ sẵn có giữa EU và TQ đối với EU khá là tế nhị, chưa nói đến việc EU cần phải đưa ra thêm các chính sách mới. Trong khi chưa có một chiến lược thống nhất của EU đối với TQ, các nước thành viên EU chọn những cách tiếp cận riêng rẽ thông qua các hiệp định song phương, điều này càng đẩy EU trở nên càng khó xoay sở hơn để có một chính sách thống nhất, với tư cách là một khối duy nhất, đoàn kết và đáng tin cậy.

Trong các chính sách của EU đối với TQ, thay vì tập trung vào các vấn đề về quân sự và thách thức địa chiến lược, EU có khuynh hướng nhấn mạnh các vấn đề về an ninh mềm, chẳng hạn như cạnh tranh kinh tế, nhập cư lậu, tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu thuốc phiện, và các vấn đề về môi trường.

Giữa EU và TQ đã thiết lập mối Quan Hệ Đối Tác EU-TQ về Biến Đổi Khí Hậu vào năm 2005. Tuy nhiên, các vấn đề về môi trường lại là những chương ngại to lớn nhất trong mối quan hệ EU-TQ. Trong khi EU đóng vai trò mạnh mẽ, đi đầu trong các vấn đề về môi trường và giảm thiểu các tác hại của biến đổi khí hậu, TQ lại bảo vệ các hành động và việc làm của mình trong việc thực hiện chiến lược giảm khí thải theo tiêu chuẩn riêng với phương châm mỗi quốc gia theo đuổi một mô hình phát triển riêng, và cân cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Khi EU đề cập đến mối quan hệ với TQ là “mối quan hệ đối tác trưởng thành” (maturing partnership), hàm ý của EU là nhằm hỗ trợ TQ trong quá trình chuyển đổi của TQ thành một đất nước mở, thịnh vượng, bền vững, chứa đựng các giá trị như dân chủ, các nguyên tắc thị trường và quản lý theo luật lệ. Điều này cho thấy dù sao, ít nhất có tồn tại một chiến lược chung giữa các nước thành viên EU đối với TQ. Cách nhìn này được xác nhận cả trong các văn bản chính thức cũng như trong các cuộc thảo luận của quan chức EU.